

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày: 14 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T , TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T , tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T , tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T , tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST- HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Quang H, sinh năm 1997 tại tỉnh T; nơi ĐKKHKT: Ấp 3, xã N, huyện T , tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Trần Quốc H, sinh năm 1977 và bà Chu Thị H, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không.

2/ Tô Đức T, sinh năm 1996 tại tỉnh Đ; nơi ĐKKHKT: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 08/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Tô Minh T, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 2, thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Q (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn T:

Ông Bùi Văn L, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; nơi cư trú: Xóm 2, thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Q (là cha mẹ ruột ông T).

Người đại diện hợp pháp của ông L và bà N : Ông Bùi Văn L , sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 2, thôn D , xã Ph , huyện Đ , tỉnh Q , là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

2. Ông Phạm Đỗ Hoài Â , sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Diên T , xã P , huyện Đ , tỉnh Q Vắng mặt.

3. Ông Trần Quốc H , sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp 3, xã N , huyện T, tỉnh Đ. Có mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Đại P và ông Bình Văn Đ . Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/01/2019, ông Nguyễn Đình L (là thầu xây dựng) tổ chức tiệc tại quán Dê Ninh Bình trên đường Ngô Quyền thuộc khu phố H , phường L , thị xã T . Tham dự tiệc có Bùi Văn T1, Trần Quang H, Tô Đức T và một số người khác làm chung Công ty.

Đến khoảng 21 giờ 00 phút tiệc kết thúc, Trần Quang H ra bãi giữ xe thì xảy ra mâu thuẫn với Bùi Văn T1. T1 nhảy vào đánh H thì mọi người can ngăn nên H lấy xe chạy đi nhặt 01 tấm gạch men (bị bể một phần) rồi quay lại dùng gạch đánh một cái vào đầu T1. Thấy vậy, P , Â và T1 dùng tay đánh H gây thương tích ở tay, H lấy xe điều khiển đi một đoạn thì gặp Tô Đức T đang đi bộ. T thấy trên áo của H dính nhiều máu nên hỏi thì H nói bị Â , P và T1 đánh, H rủ T đi lấy mã tấu tìm Â , Ph , T1 hù dọa để khi đi làm chung lại không bị bắt nạt. H điều khiển xe mô tô hiệu Exciter không rõ biển số (xe H mượn của người khác) chở T đến nhà trọ gần trạm thu phí L (nơi H và T thuê ở) lấy 01 cây mã tấu rồi T điều khiển xe chở H quay lại tìm Â , P , T1.

Khi H bỏ đi, P rủ T1, Â vào quán nhậu tiếp nhưng Â , T1 không vào nên P vào quán ngồi một mình, T1 nói mệt và đi lại nằm trên ghế đá bờ kè đối diện quán Phan Huy cũng trên đường Ngô Quyền còn Â đứng kế bên T1. Lúc này, T điều khiển xe chở H ngồi sau cầm mã tấu chạy đến, T điều khiển xe chạy lên hành lang đi bộ rồi dừng lại cách ghế đá của T1 đang nằm khoảng 03m, T1 thấy H và T nên ngồi dậy, H xuống xe cầm cây mã tấu đi về phía T1, T1 thấy vậy nhảy qua bậc lan can rồi nhảy xuống kênh nước, H cầm cây mã tấu chạy đến đập lên thành lan can một cái và nhìn thấy T1 đã bơi ra giữa kênh nên H và T quay lại kêu Â lên xe chở đến đoạn cầu Phú Long thuộc phường L . H và T hỏi Â vì sao đánh H rồi dùng tay đánh vào người Â mấy cái. Sau khi đánh xong, H và T kêu Â đi về nhưng do không có xe nên Â nhờ H và T chở ra đến ngã tư Bình Phước rồi xuống đi về.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/01/2019 người dân phát hiện trên sông Sài Gòn có một xác chết trôi nam giới đang dạt vào bờ đã báo Công an phường V, thị xã T.

Ngày 29/01/2019, H và T nghe tin T1 chết nên đến Công an thị xã T đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp 01 mã tấu.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 87/PC54 ngày 30/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Bùi Văn T1 là do ngạt nước.

Theo Bản kết luận giám định số 33/GĐ-PC09 ngày 31/01/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận dấu vân tay thu của tử thi và dấu vân tay in trên chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn T1 là của một người in ra.

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS -TA ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Quang H, Tô Đức T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo:

Trần Quang H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Tô Đức T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc bồi thường thêm 40.000.000 đồng chi phí mai táng cho người đại diện hợp pháp của ông T1.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 mã tấu.

Ông L đại diện hợp pháp của ông L và bà N thừa nhận gia đình bị cáo H đã bồi thường số tiền 80.000.000 đồng chi phí mai táng cho ông T1, ông L yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường tiền chi phí mai táng cho ông T1 40.000.000 đồng.

Ông H là cha của bị cáo H thừa nhận đã bồi thường số tiền 80.000.000 đồng cho gia đình ông T1, ông H không có ý kiến gì về số tiền này.

Các bị cáo Trần Quang H, Tô Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố,

không có ý kiến tranh luận. Bị cáo T đồng ý bồi thường thêm 40.000.000 đồng chi phí mai táng cho người đại diện hợp pháp của ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Quang H, Tô Đức T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 00 phút tại bờ kè đường Ngô Quyền, khu phố H , phường L , thị xã T , do có mâu thuẫn với nhau nên bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo H ngồi sau cầm mã tấu đi tìm T1 để hù dọa, đánh, khi phát hiện T1 đang nằm trên ghế đá ở công viên, Trí điều khiển xe chạy đến, T1 thấy H và T nên ngồi dậy nhìn thấy H cầm cây mã tấu đi về phía mình nên T1 nhảy qua lan can rồi nhảy xuống kênh nước, H cầm cây mã tấu đến đập lên thành lan can một cái rồi quay lại cùng T chở Á đến đoạn cầu Phú Long rồi dùng tay đánh vào người Á mấy cái, sau đó H và T chở Á đến ngã tư Bình Phước rồi đi về. Theo Kết luận giám định pháp y thì ông T1 chết do ngạt nước. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy đã tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm, nhưng vì mâu thuẫn với nhau, các bị cáo không tìm cách ứng xử khác phù hợp với đạo đức, pháp luật mà lại dùng hung khí để đi gây rối, hù dọa, hành hung người khác, khi phát hiện các bị cáo có hung khí, ông T1 nhảy xuống kênh nước để trốn tránh việc gây rối, đánh nhau làm cho ông T1 chết do bị ngạt nước. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh, hoạt động bình thường ở nơi công cộng, mất trật tự, trị an tại địa phương, do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án có vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Tuy nhiên bị cáo H là người rủ

rê, chuẩn bị hung khí, điều đó thể hiện bản chất của bị cáo H nguy hiểm cho xã hội cao hơn nên phải chịu mức án cao hơn.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; gia đình bị cáo H tự nguyện bồi thường chi phí mai táng cho gia đình ông T1; ông Nội của bị cáo H được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuổi đời còn trẻ, nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh khó khăn, vụ án xảy ra nguyên nhân một phần cũng có lỗi của ông T1, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo hưởng án treo, tự cải tạo ở địa phương.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[9] Đối với hành vi của bị cáo H và bị cáo T kêu Á lên xe chở đi đến khu vực cầu Phú Long. Quá trình điều tra, Á khai nhận việc lên xe để H và T chở đi là do Á tự nguyện nên không xử lý.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của ông T1 yêu cầu bị cáo Trí bồi thường số tiền 40.000.000 đồng chi phí mai táng, bị cáo T đồng ý nên ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra thu giữ: 01 mã tấu bằng kim loại màu trắng dài 78cm, cán bằng gỗ là công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trí còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;
- Các Điều 584, 585, 586, 587 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Tô Đức T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Trần Quang H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (14/02/2020).

Xử phạt bị cáo Tô Đức T 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (14/02/2020).

Giao các bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đ; bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Tô Đức T có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 cây mã tấu bằng kim loại màu trắng, lưỡi dài 58cm, cán bằng gỗ dài 20cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2020)

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Quang H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tô Đức T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương
- VKSND thị xã T ;
- Chi cục THADS thị xã T ;
- Công an thị xã T ;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác
- Lưu HS, THAHS, AV;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Thi